

Số 194 - BC/TU

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững (*Nghị quyết số 07-NQ/TW*) và Chương trình hành động số 62-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 08/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT
VÀ TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT**

Xác định thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TW chính là việc cụ thể hoá các nội dung Nghị quyết vào tình hình thực tế tại địa phương, vì vậy, ngày 23/5/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 62-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 5127/KH-UBND, ngày 15/8/2018 về thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-CP, ngày 19/6/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị. Chương trình hành động đã xác định rõ quan điểm chỉ đạo; mục tiêu; nội dung và giải pháp chủ yếu; phân công nhiệm vụ các cơ quan, sở, ngành liên quan; xác định rõ lộ trình thời gian của từng nhiệm vụ cụ thể tạo sự thống nhất chung trong toàn Đảng bộ và các cấp, các ngành trong tỉnh. Trên cơ sở đó, chỉ đạo các cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh ban hành các kế hoạch về việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết tại địa phương, đơn vị một cách kịp thời, hiệu quả, ... nhằm đảm bảo nội dung Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống nhanh, hiệu quả. Công tác tuyên truyền về Nghị quyết 07-NQ/TW được tiến hành với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với từng đối tượng; bảo đảm đông đảo các tầng lớp Nhân dân đều được phổ biến, tuyên truyền về Nghị quyết.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

I. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện

1. Tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước

1.1. Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh:

Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, trên cơ sở Kế hoạch triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và nghiêm túc triển khai thực hiện các kế hoạch hành động đã xây dựng theo các nhiệm vụ được phân công, đảm bảo về chất lượng cũng như yêu cầu về tiến độ so với kế hoạch. Đến hết năm 2019, tỉnh Lâm Đồng đã cơ bản thực hiện hoàn thành tất cả các chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh đã cam kết với cộng đồng doanh nghiệp; môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh, tình hình hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp tiếp tục đạt những kết quả khả quan; công tác cải cách hành chính được cải thiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về doanh nghiệp cũng như yêu cầu cải cách đối với người dân và doanh nghiệp; môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng hơn, các cơ chế, chính sách được kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp... Từ đó, đã từng bước xây dựng được niềm tin, tạo động lực, kích thích người dân và doanh nghiệp mạnh dạn hơn trong các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Để tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Kế hoạch, đề án về chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp về mô hình hoạt động, tiếp cận các nguồn lực để phát triển; kiện toàn Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; chỉ đạo Hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh, các sở, ban, ngành và các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, chương trình của tỉnh và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng⁽¹⁾

1.2. Xây dựng kế hoạch phát triển thương hiệu và hoạt động du lịch:

Ngành du lịch tiếp tục khẳng định là ngành kinh tế động lực của tỉnh, đóng góp nhiều vào phát triển kinh tế - xã hội. Lượng khách du lịch tăng qua các năm. Trong giai đoạn năm 2016-2020, đã thực hiện đầu tư, nâng cao chất lượng, quảng bá sản phẩm rau, hoa cà phê và du lịch canh nông, đăng ký cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành”, từ đó giúp nâng cao chất lượng cạnh tranh, thúc đẩy mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ lực của tỉnh; thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền quảng bá các thương hiệu sản phẩm đặc trưng, thể mạnh của tỉnh thông qua các hoạt động quảng bá, hội nghị xúc tiến du lịch; phát triển ngành du lịch chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát triển theo

⁽¹⁾ Văn bản số 6324/KH-UBND, ngày 22/9/2017 về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; Kế hoạch số 5713/KH-UBND, ngày 07/9/2018 về thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 635/QĐ-UBND, ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025; Kế hoạch số 3821/KH-UBND, ngày 24/6/2019 tuyên truyền, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; số 135/QĐ-UBND, ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh để kiện toàn lại Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng.

chiều sâu, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, khẳng định thương hiệu và cạnh tranh; xây dựng Đà Lạt - Lâm Đồng trở thành trung tâm du lịch chất lượng cao, là điểm đến “*An toàn - Thân thiện*”.

1.3. Thực hiện cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ:

Trong giai đoạn 2016-2020, đã nghiên cứu thực hiện được 44 đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp nhà nước; chuyển giao ứng dụng cho cơ quan quản lý nhà nước 39 đề tài các cấp; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ, tăng năng suất, chất lượng; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; hỗ trợ đăng ký và được cấp 7 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh. Khoa học và công nghệ đóng góp vào năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) cao hơn bình quân chung của cả nước; tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh được tăng cường; đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế

2.1. Giai đoạn 2016 - 2020, kinh tế tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên theo hướng bền vững. Năm 2020, dưới tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng của tỉnh; tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt bình quân 5 năm 2016 - 2020 tăng 5,82%; trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 4,8%, khu vực công nghiệp xây dựng tăng 4,99%, khu vực dịch vụ tăng 6,88%; có 14/17 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch. Năng suất lao động, GRDP bình quân đầu người tăng nhanh, cao hơn bình quân chung cả nước. Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả khá tốt, các trọng tâm cơ cấu lại về đầu tư, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước được tập trung thực hiện hoàn thành và đạt kết quả tích cực.

Chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế nhiều mặt được nâng lên, năng suất lao động năm 2020 tăng rõ nét, đạt 112,2 triệu đồng/lao động/năm, tăng 1,5 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người tăng từ 46 triệu đồng năm 2015 lên 63 triệu đồng năm 2020, đạt mục tiêu đề ra và cao hơn mức bình quân chung cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng dịch vụ tăng từ 33,1% năm 2015 lên 40,5% năm 2020; nông, lâm, thủy sản giảm từ 49,4% năm 2015 xuống còn 40,35% năm 2020; công nghiệp - xây dựng tăng từ 17,5% năm 2015 lên 19,3% năm 2020.

2.2. Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn⁽²⁾.

a) Trong giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo công tác quy hoạch, kế hoạch ngành nông nghiệp theo đúng chủ trương tái cơ cấu và định hướng

⁽²⁾ Nghị quyết số: 32/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về chính sách xã hội hóa, khuyến khích công tác đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung giai đoạn 2017-2020; 103/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; 112/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

phát triển nông nghiệp toàn diện của tỉnh; bố trí nguồn lực đầu tư trực tiếp, lồng ghép để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Từ năm 2017-2020, đã tập trung các nguồn lực đầu tư của nhà nước lên đến 20.000 tỷ đồng từ các nguồn vốn (*Chương trình MTQG, các dự án ODA, ngân sách Trung ương...*), phê duyệt và chỉ đạo triển khai 10 chương trình, đề án, kế hoạch từ nguồn vốn ngân sách tỉnh với tổng kinh phí thực hiện khoảng 117 tỷ đồng để hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

b) Kết quả thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2020:

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao và xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả vượt bậc. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp gấp 1,3 lần so với 2015; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5%. Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích đạt 180 triệu đồng/ha, tăng 33,6 triệu đồng/ha so với năm 2015 (*chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ tỉnh là 180 triệu đồng/ha*); tiếp tục khẳng định thế mạnh của địa phương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; có 10 doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp công nghệ cao và 165 chuỗi liên kết với 200 doanh nghiệp, hợp tác xã và 17.000 hộ dân.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành nông lâm thủy giai đoạn 2016-2020 đạt 4,56%; cơ cấu kinh tế ngành nông lâm thủy sản trong cơ cấu chung toàn tỉnh đạt 40,38%; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 80,54%, chăn nuôi 17,02%, dịch vụ 2,2%. Số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn đạt 1.500 doanh nghiệp, tăng 3% so với năm 2015; kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 320 triệu USD.

2.3. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước:

Đã hoàn thành công tác cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng theo Văn bản số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ; giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là 606.632 triệu đồng (*trong đó: giá trị phần vốn nhà nước là 315.129 triệu đồng*); Công ty thực hiện cổ phần hóa theo phương thức giữ nguyên vốn nhà nước tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa là 788.000 triệu đồng; sau khi cổ phần hóa, cổ phần nhà nước nắm giữ 40% vốn điều lệ.

Về cơ cấu lại DNNN: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lâm Đồng thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định số 707/QĐ-TTg, ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, phương án tái cơ cấu đảm bảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016. Có 8 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; sau khi thực hiện sắp xếp, đổi mới các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng kinh doanh đều có lãi, kinh doanh đạt hiệu quả, bảo toàn được vốn của nhà nước và đảm bảo an toàn về tài chính.

Về thoái vốn nhà nước: Năm 2017, tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện kế hoạch bán 100% phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ II Lâm Đồng và bán một phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần

Dịch vụ đô thị Đà Lạt, Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc nhằm đảm bảo tỷ lệ vốn nhà nước sau khi thực hiện chuyển nhượng đối với 02 công ty này là 51% vốn điều lệ. Do Công ty cổ phần xây dựng và Quản lý đường bộ II Lâm Đồng ngừng hoạt động kinh doanh từ tháng 7 năm 2018 nên Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất giải thể. Đến thời điểm hiện nay, Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt và Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc chưa thoái vốn được do kết quả bán đấu giá công khai không thành công. Đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Du lịch Lâm Đồng đã thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

2.4. Về xây dựng các dự án kêu gọi đầu tư; tình hình thu hút đầu tư đối với các dự án ODA, FDI; đa dạng các hình thức mời gọi đầu tư: Giai đoạn năm 2016 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, định kỳ hàng năm có rà soát, bổ sung phù hợp tình hình thực tế địa phương⁽³⁾ để đảm bảo khai thác tối đa hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Bên cạnh việc ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư; thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, doanh nghiệp; tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; ban hành quy định hướng dẫn về trình tự, thủ tục, quản lý dự án đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh đã tạo chuyển biến trong thu hút và xúc tiến đầu tư, mời gọi được một số nhà đầu tư lớn, có tiềm lực nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch, đề xuất các dự án đầu tư quy mô lớn các lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: Nông nghiệp, du lịch, quản lý đô thị; đồng thời, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được phê duyệt.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh thu hút được 198 dự án đầu tư, vốn đăng ký 16.299,7 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2016 - 2020 chiếm khoảng 36% GRDP; vốn của khu vực tư nhân chiếm khoảng 75%, tập trung vào một số lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như: nông nghiệp, du lịch dịch vụ; một số dự án lớn, lĩnh vực mới như: Sản xuất dược phẩm Nanogel, sản xuất bia, sản xuất sợi len lông cừu, sản xuất giống rau, hoa áp dụng công nghệ cao, thủy điện... đi vào hoạt động góp phần đa dạng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm tại địa phương.

2.5. Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Giai đoạn 2017 - 2020: Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thu hút được 16 dự án FDI mới với tổng vốn đăng ký đầu tư là 84,09 triệu USD. Tổng vốn đầu tư thực hiện trong giai đoạn đạt 92,19 triệu USD, doanh thu các dự án FDI đạt 1.251,45 triệu USD; trong đó, doanh thu xuất khẩu: 841,28 triệu USD. Giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho khoảng 11.500 lao động thường xuyên. Phần lớn các doanh nghiệp FDI đều có hoạt động xuất khẩu, tỷ lệ doanh thu xuất khẩu/tổng doanh thu giai đoạn 2017 - 2020 đạt 67,2%.

2.6. Về thu hút đầu tư nguồn vốn ODA: Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Lâm

⁽³⁾ Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 8/4/2016; số 2348/QĐ-UBND ngày 15/11/2018; số Quyết định 178/QĐ-UBND ngày 28/01/2019; số Quyết định 1891/QĐ-UBND ngày 4/9/2019; số Quyết định 1887/QĐ-UBND ngày 4/9/2019; số Quyết định 795/QĐ-UBND ngày 5/5/2020.

Đồng triển khai 04 dự án sử dụng vốn ODA⁽⁴⁾

3. Tập trung cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công

3.1. Về cơ cấu lại thu NSNN:

a) Thực hiện các chính sách thu gắn với cơ cấu thu ngân sách nhà nước, bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là nguồn thu mới theo đúng quy định. Giao nhiệm vụ thu ngân sách cho các địa phương phù hợp tình hình và khả năng thực tế; ngăn chặn và xử lý nghiêm tình trạng trốn thuế, thất thu và nợ thuế.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách và đánh giá Kế hoạch phát triển KT-XH của năm thực hiện để xây dựng dự toán cho năm sau; đảm bảo tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn, có so sánh kết quả thực hiện so với cùng kỳ năm trước và phù hợp với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của từng địa phương, đảm bảo cân đối được nguồn chi ngân sách. Thu ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Luật quản lý thuế, các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và các quy định khác, đảm bảo khách quan, bình đẳng, kỷ cương trong thực hiện pháp luật thuế.

- Việc phân cấp nguồn thu, phân định cụ thể nguồn thu và nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và xác định tỷ lệ điều tiết ngân sách hợp lý theo quy định tại Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã tạo điều kiện để các địa phương chủ động khai thác nguồn thu, nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý và khai thác có hiệu quả nguồn thu trên địa bàn. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà máy Bia Sài Gòn - Bảo Lộc là dự án mới, được xây dựng và đi vào hoạt động, phát sinh nguồn thu từ năm 2018, số thu phát sinh từ dự án này tăng từ 750 tỷ năm 2018 lên khoảng 950 tỷ đồng năm 2021, nguồn thu từ dự án này được quản lý đúng quy định, đây là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Trong giai đoạn 2016-2021, thực hiện có hiệu quả Đề án “*Nâng cao hiệu quả quản lý thu NSNN giai đoạn 2016 - 2021*”, quản lý thu đúng, thu đủ và kịp thời vào ngân sách nhà nước; đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các đề án quản lý thu thuế trong các lĩnh vực khác: Đổi mới công tác quản lý thuế đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, du lịch và ăn uống; Quản lý thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Quản lý thuế trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu; Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Quản lý thuế kinh doanh bất động sản, chuyển nhượng bất động sản và chuyển nhượng dự án. Các đề án được ban hành đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, đúng với các quy định của pháp luật, với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ thuế, tăng cường chống thất thu ngân sách, mang lại hiệu quả cao, công tác quản lý thuế từng bước được chặt chẽ, giảm bớt thất thu ngân sách; công bằng trong xã hội và được doanh nghiệp và người dân đồng thuận.

⁽⁴⁾ Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát triển nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng (giai đoạn 1): dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 25/01/2018, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 555/QĐ-TTg ngày 07/4/2021, UBND tỉnh đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 19/5/2021. Hiện nay, dự án chưa được ký hiệp định với nhà tài trợ nên chưa đủ cơ sở bố trí vốn ODA.

Việc triển khai các đề án quản lý thu thuế đạt được hiệu quả nhất định, nguồn thu từ thuế phí tăng qua các năm và tăng cao so với giai đoạn 2010-2015: thu từ thuế phí giai đoạn 2016-2021 đạt 28.799 tỷ đồng, bằng 199% so với giai đoạn 2010-2015 (14.444 tỷ đồng), tốc độ tăng thu hằng năm 13,27%/năm; trong đó, đã tập trung khai thác tốt nguồn thu ở các nhóm thuế khu vực ngoài quốc doanh (tăng trưởng 13,89%/năm), thu nhập cá nhân (tăng trưởng 22,3%/năm), thuế bảo vệ môi trường (tăng trưởng 21,44%/năm).

c) Việc xây dựng các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chỉ tiêu nộp thuế; đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian nộp thuế được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các dịch vụ công điện tử để hỗ trợ người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế theo lộ trình triển khai của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế. Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tỉnh thường xuyên được cập nhật đáp ứng nhu cầu trao đổi, khai thác, tra cứu thông tin của người nộp thuế. Các dịch vụ thuế điện tử đã triển khai tạo nhiều thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người nộp thuế, đến thời điểm hiện nay 100% doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử, 100% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử tại cơ quan thuế và ngân hàng thương mại; 100% hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư và xuất khẩu được thực hiện bằng phương thức điện tử.

d) Công tác thanh tra, kiểm tra việc hoàn thuế, ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn lậu thuế, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế được thực hiện chặt chẽ, tỷ trọng nợ đọng thuế giảm, khắc phục tình trạng thất thu; khai thác tốt các nguồn thu, nhất là thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh. Việc ứng dụng tin học vào công tác lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra giúp cho cơ quan thuế xác định được mức độ rủi ro của người nộp thuế trong địa bàn quản lý từ thấp đến cao, đảm bảo tính khách quan trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra toàn ngành.

Trong giai đoạn, toàn ngành thuế đã tổ chức 7.261 cuộc thanh tra, kiểm tra, truy thu truy hoàn thuế trên 300 tỷ đồng; phạt 72 tỷ đồng; giảm lỗ, giảm khấu trừ 2.155 tỷ đồng. Đồng thời, thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa cơ quan Thuế và Công an theo Thông tư Liên tịch số 85/2016/TTLT BTC-BCA, ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Công an; Cục Thuế và Công an tỉnh đã phối hợp thanh tra, kiểm tra tại 218 doanh nghiệp, tổng số thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp là 15.502 triệu đồng; đơn đốc xử lý thu nợ đọng của 1.373 lượt người nộp thuế và tiền phạt với số tiền 222.846 triệu đồng. Số tiền nợ thuế, tiền phạt đã thực hiện nộp vào NSNN 59.208 triệu đồng của 676 lượt người nộp thuế. Công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý thuế đối với hoạt động chuyển giá đã tạo nên bước chuyển biến mới nhằm ngăn chặn có hiệu quả các hành vi gian lận thuế qua chuyển giá. Từ đó tạo ra sự công bằng giữa các công ty có giao dịch liên kết với công ty khác.

e) Kết quả thu ngân sách giai đoạn 2016 - 2021:

Thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2021 đạt 49.666 tỷ đồng, bằng 222% so với giai đoạn 2010 - 2015 (22.349 tỷ đồng), tốc độ tăng thu ngân sách bình quân 15%/năm. Thu NSNN giai đoạn 2016 - 2021 cơ bản đạt và vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, trong đó:

- Thu từ thuế phí: 28.799 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 58% tổng thu NSNN, bằng 199% so với giai đoạn 2010 - 2015 (14.444 tỷ đồng), tốc độ tăng thu hàng năm đạt 13,27%/năm.

- Thu từ đất, nhà: 7.970 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16% tổng thu NSNN, bằng 211% so với giai đoạn 2010 - 2015 (3.770 tỷ đồng), tốc độ tăng thu hàng năm đạt 17,62%/năm.

- Thu khác ngân sách: 4.966 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10% tổng thu NSNN, bằng 435% so với giai đoạn 2010 - 2015 (1.141 tỷ đồng), tốc độ tăng thu hàng năm đạt 10,7%/năm.

- Thu từ hoạt động kinh doanh XSKT: 5.715 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,5% tổng thu NSNN, bằng 308% so với giai đoạn 2010 - 2015 (1.858 tỷ đồng), tốc độ tăng thu hàng năm đạt 20,35%/năm.

- Thu thuế xuất nhập khẩu 2.216 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,46 % tổng thu NSNN, bằng 195% so với giai đoạn 2011-2015 (1.135 tỷ đồng), tốc độ tăng thu hàng năm đạt 24,33%/năm.

(Chi tiết thu ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2021 theo phụ lục 01 đính kèm).

3.2. Cơ cấu lại chi NSNN:

a) Tái cơ cấu chi thường xuyên: Ngày 08/12/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017 - 2020, được kéo dài thời gian thực hiện đến hết năm 2021 theo Nghị quyết 194/NQ-HĐND, ngày 28/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2021 đã tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong thực hiện những nhiệm vụ được giao gắn với phân cấp quản lý, khuyến khích các địa phương khai thác, phấn đấu tăng thu, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Việc phân cấp nguồn thu phù hợp với khả năng cân đối ngân sách các cấp, tạo điều kiện cho các ngành và địa phương nâng cao tính chủ động, vai trò và trách nhiệm trong quản lý, điều hành và sử dụng ngân sách; khuyến khích các địa phương phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi.

Để tạo điều kiện cho các địa phương tăng cường tính chủ động, có thêm nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, khuyến khích các địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 quy định thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước tại tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017 - 2020 và tiếp tục thực hiện tỷ lệ thưởng vượt thu tiền sử dụng đất, tiền thuê mặt đất, thuê mặt nước năm 2021 cho các địa phương theo Nghị quyết 22/2021/NQ-HĐND, ngày 04/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 58/2017/NQ-

HĐND, ngày 08/12/2017⁽⁵⁾.

Tiếp tục tăng cường khả năng tự chủ, giảm dần sự phụ thuộc và bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 45/2021/NQ-HĐND, ngày 8/12/2021 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2025; tiếp tục phân cấp phù hợp cho ngân sách cấp huyện, thực hiện phân chia nguồn thu sử dụng đất, tiền thuê mặt đất, mặt nước để tạo điều kiện cho các địa phương có nguồn lực để chủ động trong việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, hạn chế việc ỷ lại vào ngân sách tỉnh; thực hiện phân chia nguồn thu từ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng để ngân sách thành phố Bảo Lộc có nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

Trong dự toán chi ngân sách năm 2022, các địa phương đã tăng dần mức độ tự đảm bảo chi, giảm số bổ sung từ ngân sách cấp trên, tỷ lệ bình quân từ 54% năm 2015 xuống còn 43% vào năm 2022, tỷ trọng phân bổ dự toán vốn đầu tư từ 29,2% năm 2020 lên 30,2% năm 2022; đồng thời, để tiếp tục tái cơ cấu ngân sách theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư, giảm chi thường xuyên, các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã thực hiện rà soát các khoản chi thường xuyên, các khoản sửa chữa lớn có tính chất đầu tư, kinh phí thực hiện công tác nâng cấp đô thị, sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, kiến thiết đô thị, thực hiện các dự án quy hoạch...thuộc sự nghiệp kinh tế để chuyển sang bố trí và quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản bình quân 178.000 triệu đồng/năm.

Tổ chức điều hành nhiệm vụ chi thường xuyên hàng năm bám sát theo dự toán, phù hợp với nhiệm vụ được giao, tiến độ thu ngân sách và khả năng thu của một số nguồn thu gắn với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển. Kiểm soát chặt chẽ dự toán chi ngân sách nhà nước. Quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách, nguồn kinh phí cải cách tiền lương chặt chẽ đúng mục đích.

Công tác quản lý chi ngân sách địa phương trong giai đoạn 2016 - 2021 nhìn chung cơ bản đảm bảo được các khoản chi theo dự toán được giao; các cấp, các ngành và đơn vị đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

Việc tái cơ cấu chi thường xuyên giai đoạn 2016-2021 gặp khó khăn nhất định do Chính phủ ban hành nhiều chính sách về cải cách tiền lương và chính sách an sinh xã hội; địa phương cũng ban hành các chế độ, tiêu chuẩn định mức chi mới; nhiều chương trình, đề án để thực hiện theo nhiệm vụ cấp trên giao... Tuy vậy, việc thực hiện quyết liệt các biện pháp tái cơ cấu chi thường xuyên đã đạt được những kết quả tích cực, đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho việc thực hiện các chính sách về tiền lương, an sinh xã hội, các chương trình, đề án phát triển kinh tế của các ngành; từng bước kiểm soát tốc độ tăng chi thường xuyên, tổng chi thường xuyên giai đoạn 2016 - 2021 là 45.095 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 73% tổng chi, tỷ trọng

⁽⁵⁾ Tỷ lệ thường vượt thu các địa phương: Thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc là 60%; Huyện Đức Trọng là 70%; Các huyện: Đơn Dương, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm là 80%; Các huyện: Lạc Dương, Đam Rông, Đà Huoai, Đà Tẻh, Cát Tiên là 100%.

giảm dần qua từng năm; tốc độ tăng chi thường xuyên bình quân 4,47%/năm.

SỐ LIỆU CHI THƯỜNG XUYỀN GIAI ĐOẠN 2016 - 2021

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Giai đoạn 2010-2015 | NĂM 2016 | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 | NĂM 2020 | NĂM 2021 | Giai đoạn 2016-2021 |
|------------------------------|---------------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------------|
| CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH | 36.551 | 7.881 | 9.283 | 10.031 | 10.889 | 11.841 | 11.822 | 61.747 |
| Chi thường xuyên | 27.711 | 6.171 | 6.917 | 7.529 | 8.252 | 8.126 | 8.100 | 45.095 |
| Tỷ trọng trong tổng chi | 75,81% | 78,31% | 74,51% | 75,06% | 75,78% | 68,63% | 68,52% | 73,03% |

b) Chi đầu tư phát triển:

Công tác thẩm tra quyết toán các dự án hoàn thành được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu rút ngắn thời gian thực hiện đối với từng nhiệm vụ cụ thể từ bước lập, thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đến bước tổ chức triển khai thi công công trình, giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch nhằm đảm bảo việc triển khai các dự án đầu tư công theo đúng tiến độ phê duyệt, phát huy hiệu quả đầu tư. Đẩy nhanh công tác thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để sớm triển khai thi công công trình; kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các tổ chức, cá nhân cố tình cản trở, gây khó khăn, làm chậm tiến độ giao, thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

Trong giai đoạn 2010 - 2015, tổng chi đầu tư phát triển chỉ chiếm tỷ lệ 24% tổng chi cân đối ngân sách địa phương; tổng chi đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2021 là 16.651 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 27% tổng chi cân đối, vượt chỉ tiêu theo Chương trình hành động 62-CTr/TU của Tỉnh ủy (*chỉ tiêu 24-25%*), tốc độ tăng chi đầu tư 12,01%/năm, cao hơn so với tốc độ tăng chi thường xuyên (*4,47%/năm*). Riêng năm 2020, 2021, tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt trên 31% trên tổng chi. Như vậy, thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngân sách, tăng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên có chuyển biến tích cực, tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng dần qua từng năm, cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Giai đoạn 2010-2015 | NĂM 2016 | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 | NĂM 2020 | NĂM 2021 | Giai đoạn 2016-2021 |
|------------------------------|---------------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------------|
| CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH | 36.551 | 7.881 | 9.283 | 10.031 | 10.889 | 11.841 | 11.822 | 61.747 |
| Chi đầu tư phát triển | 8.840 | 1.709 | 2.366 | 2.502 | 2.637 | 3.715 | 3.722 | 16.651 |
| Tỷ trọng trong tổng chi | 24,19% | 21,69% | 25,49% | 24,94% | 24,22% | 31,37% | 31,48% | 26,97% |

c) Việc quản lý nợ công, kiểm soát các khoản vay của chính quyền địa phương, bố trí đầy đủ nguồn để trả nợ gốc, lãi đúng quy định. Tỉnh Lâm Đồng đã sử dụng nguồn vốn vay từ nguồn Chính phủ vay lại nước ngoài để phục vụ phát triển

kinh tế - xã hội của địa phương; đây là một trong những nguồn tài chính cần thiết để bổ sung cho đầu tư phát triển. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan, đơn vị có liên quan sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ước số liệu nợ công của tỉnh Lâm Đồng thực hiện đến thời điểm 31/12/2021 là 42.383 triệu đồng⁽⁶⁾. Nợ công của tỉnh Lâm Đồng được theo dõi và quản lý tốt, mức dư nợ đang ở mức thấp so với hạn mức vay theo quy định.

d) Đổi mới hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập:

- Việc sắp xếp tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập: Tính đến thời điểm 30/4/2021, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 773 đơn vị (*trong đó cấp tỉnh là 129 đơn vị và cấp huyện là 644 đơn vị*); giảm 58 đơn vị với tỷ lệ giảm 6,98% so với năm 2015. Căn cứ vào tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần tại Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg, ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo và đề xuất Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần giai đoạn 2018 - 2020 gồm 03 đơn vị (*Trung tâm Đào tạo lái xe, Trung tâm Kiểm định và Tư vấn xây dựng; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Lâm Đồng*). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do có một số vướng mắc trong các quy định của Trung ương nên chưa thực hiện. Sau khi có quy định cụ thể của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành có liên quan rà soát, tham mưu đưa ra khỏi danh mục hoặc bổ sung danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng chuyển đổi theo quy định.

- Việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2017 - 2020: Đến ngày 31/12/2016, toàn tỉnh có 818 đơn vị sự nghiệp công lập đã xây dựng phương án tự chủ về tài chính và được cấp thẩm quyền quyết định (*hoặc ủy quyền quyết định*) phân loại và giao quyền tự chủ (*đạt tỷ lệ 100%*); đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan tiếp tục xây dựng phương án giao quyền tự chủ về tài chính giai đoạn ổn định tiếp theo tại Văn bản số 1095/UBND-TC, ngày 28/02/2017 và Văn bản số 5845/UBND-TH2, ngày 11/9/2019 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Đối với cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Tính đến ngày 01/01/2021, trên địa bàn tỉnh có 773 đơn vị sự nghiệp công lập, toàn bộ các đơn vị đã được phân loại và giao quyền tự chủ về tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ; trong đó, có 693 đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên, 46 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 33 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

⁽⁶⁾ - Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8): 31.826 triệu đồng;

- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dự trên kết quả (WB21): 10.557 triệu đồng.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra: Trong giai đoạn 2016 - 2020, thanh tra nhà nước các cấp đã tiến hành thanh tra và ban hành kết luận và quyết định xử lý 968 cuộc thanh tra (*trong đó, có 847 cuộc theo kế hoạch và 121 cuộc thanh tra đột xuất*); thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thực hiện 4.802 cuộc. Qua thanh tra, đã phát hiện các sai phạm chủ yếu là nghiệm thu, thanh toán không đúng thực tế khối lượng thi công tại các công trình xây dựng cơ bản; việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; sai phạm về quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm y tế... đã phát hiện sai phạm với số tiền 144,5 tỷ đồng; xử lý thu hồi 124,27 tỷ đồng, tỷ lệ thu hồi đạt 86%. Nội dung, chất lượng của các cuộc thanh tra ngày càng được nâng lên, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các mục đích, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương nói chung. Qua công tác thanh tra, có kết luận, kiến nghị, xử lý nhiều trường hợp sai phạm trong công tác quản lý kinh tế - tài chính, công tác chấp hành pháp luật về kế toán. Những kết luận và kiến nghị xử lý đều đảm bảo đúng pháp luật, có khả năng thực thi nên đã được sự thống nhất, tiếp thu của các đơn vị được thanh tra và các cơ quan chức năng có liên quan; thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kiến nghị xử lý qua thanh tra, từ đó hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra được đảm bảo và tăng cường.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2020: Các sở, ngành, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã chấp hành tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tích cực, chủ động, bám sát nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tham mưu, đề xuất những giải pháp thực hiện phù hợp thực tế và chức năng, nhiệm vụ được giao; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngày càng nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý chi ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sử dụng tài sản, phương tiện, trụ sở làm việc... ngày càng được quan tâm, chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh trật tự, đảm bảo an sinh xã hội. Kết quả đạt được trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020 được lượng hóa giá trị bằng tiền là 4.456.264 triệu đồng, bằng 153,33% so với kế hoạch, đây chính là một nguồn lực đáng kể để chi cho các nhiệm vụ an sinh xã hội và các nhiệm vụ cần thiết khác nhằm phát triển kinh tế của địa phương.

- Công khai ngân sách: Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Luật Ngân sách nhà nước và các quy định về công khai ngân sách nhà nước. Hàng năm, các ngành, cơ quan, đơn vị và các địa phương đã thực hiện công khai ngân sách cơ bản đúng biểu mẫu, quy trình và thời điểm công khai theo quy định⁽⁷⁾ để các tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình quản lý và sử dụng vốn, tài sản Nhà nước nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính, bảo đảm sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước,

⁽⁷⁾ Công khai ngân sách gồm: Dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân; Dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân quyết định; Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương trong năm (quý, 6 tháng, 9 tháng, năm); Quyết toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân phê chuẩn; Tổng hợp tình hình công khai ngân sách nhà nước; Công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nâng cao chỉ số minh bạch ngân sách của địa phương. Kết quả thực hiện công khai ngân sách hàng năm của tỉnh đều được tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính đúng thời gian quy định.

Bên cạnh đó, việc thực hiện công khai ngân sách của một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức, chưa kịp thời, chưa đúng thời gian, mẫu biểu công khai theo quy định như công khai chậm, không đầy đủ thông tin, biểu mẫu, hình thức công khai chưa đúng quy định...

4. Kiện toàn bộ máy nhà nước và nhân sự; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định sửa đổi quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong của 15 cơ quan, đơn vị. Qua sắp xếp giảm được 09 phòng chuyên môn và 01 Chi cục⁽⁹⁾. Hiện nay, Sở Nội vụ đang tiếp tục thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của 04 sở, ngành theo hướng giảm Phòng chuyên môn, giảm Chi cục⁽⁸⁾. Đến thời điểm hiện tại đã giải thể Sở Ngoại vụ; giảm 24 phòng chuyên môn của các sở, ngành; tiến hành hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 58 đơn vị; cắt giảm 159 biên chế công chức và 520 người lao động; tinh giản 334 người. Việc tổ chức, sắp xếp, sửa đổi quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

- Đối với việc sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp huyện: các địa phương đã giải thể một số phòng ban, chuyển chức năng quản lý nhà nước về Văn phòng HĐND & UBND huyện⁽⁹⁾.

5. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình hành động số 62-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Chi tiết tại phụ lục số 02)

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

- Cơ cấu nền kinh tế đã có chuyển biến tích cực, kinh tế địa phương tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên theo hướng bền vững; tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP trong giai đoạn đạt khá cao (*bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 8,0%*).

- Quy mô thu ngân sách ngày càng được mở rộng, thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2021 tăng cao so với giai đoạn 2010 - 2015 (222%), tốc độ tăng thu ngân sách bình quân 15%/năm. Thu NSNN giai đoạn 2016 - 2021 cơ bản đạt và vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, trong đó: Thu từ thuế phí chiếm tỷ trọng 58% tổng thu NSNN, bằng 199,38% so với giai đoạn 2010 - 2015, tốc độ tăng thu hằng năm 13,27%/năm.

⁽⁸⁾ Sở Nội vụ (giảm Chi cục Văn thư lưu trữ); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (giảm 02 phòng và 01 Chi cục)...

⁽⁹⁾ Các huyện Đơn Dương, Đa Tịch, Cát Tiên và Di Linh: giải thể Phòng Dân tộc và Phòng Y tế, chuyển chức năng quản lý nhà nước về dân tộc, y tế cho Văn phòng HĐND&UBND; TP Đà Lạt, các huyện Lạc Dương, Đức Trọng, Đa Huoai, Lâm Hà giải thể Phòng Dân tộc, chuyển chức năng quản lý nhà nước về dân tộc cho Văn phòng HĐND&UBND. Các huyện Bảo Lâm và Đam Rông huyện giải thể Phòng Y tế chuyển chức năng quản lý nhà nước về y tế cho Văn phòng HĐND&UBND.

- Tỷ trọng chi đầu tư tăng dần qua từng năm, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách; tốc độ tăng chi thường xuyên được kiểm soát (*tốc độ tăng chi thường xuyên bình quân 4,47%/năm*), thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng chi đầu tư phát triển (12,01%/năm).

- Khả năng tự cân đối của ngân sách địa phương ngày càng tăng, giảm dần tỷ trọng nhận trợ cấp từ ngân sách Trung ương: Năm 2017, đầu thời kỳ ổn định ngân sách tỷ lệ nhận nhận trợ cấp từ ngân sách Trung ương là 44,7%, đến năm 2022, tỷ lệ này là 28%. Ngân sách các huyện, thành phố cũng tăng dần mức độ tự đảm bảo chi, giảm số bổ sung từ ngân sách cấp trên (*từ 49% năm 2017 xuống còn 43% vào năm 2022*).

- Nợ công của tỉnh được quản lý chặt chẽ, vẫn ở mức thấp so với hạn mức địa phương được vay. Chỉ sử dụng nguồn nợ công để chi cho đầu tư phát triển.

- Tổ chức, bộ máy các cơ quan, đơn vị từng bước được sắp xếp, tổ chức lại, tinh gọn hơn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ huy động từ thuế phí trên tổng thu NSNN có chiều hướng giảm (*giai đoạn 2010 - 2015 thu từ thuế phí chiếm tỷ trọng 64% tổng thu, giai đoạn 2016-2021, chiếm tỷ trọng 58%*). Các khoản thu từ khu vực nhà nước và đầu tư nước ngoài vẫn còn thấp (*tốc độ tăng thu chỉ vào khoảng 5%/năm*).

- Các khoản thu không bền vững (*thu từ đất nhà, thu xổ số kiến thiết*) có xu hướng tăng cao hơn so với tốc độ tăng thu từ thuế phí (*thu từ đất nhà tăng 17,62%/năm, thu xổ số kiến thiết tăng 20,35%/năm*).

- Tỷ lệ nhận trợ cấp của các địa phương vẫn còn cao (*43% tổng chi*), nguyên nhân là Trung ương ban hành nhiều chế độ chính sách an sinh xã hội, chính sách về tiền lương địa phương phải tự cân đối; nhiều địa phương vùng khó khăn, khả năng và tiềm lực phát triển kinh tế còn hạn chế.

- Một số quy định, hướng dẫn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế chưa được ban hành đồng bộ, liên thông; chưa thật sự quyết liệt, tích cực trong thực hiện, còn mang tính cơ học; chưa thực sự tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, hoạt động chưa cao. Tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm, số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động còn ít.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

1. Tiếp tục và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Chương trình hành động số 62-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 08/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

2. Tiếp tục tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, trọng tâm là tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển dịch vụ

du lịch chất lượng cao, phát triển công nghiệp có chọn lọc. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên ứng dụng những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và phát huy tiềm năng, lợi thế địa phương; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế; duy trì, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên các lĩnh vực.

3. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực thuế, thu hút, ưu đãi đầu tư, tạo điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách nhà nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thu, công tác thanh tra, kiểm tra việc thu nộp thuế, ngăn chặn tình trạng chuyển giá, gian lận, trốn lậu thuế, áp dụng các biện pháp thu hồi nợ đọng về thuế; tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự thống nhất trong việc chấp hành nghĩa vụ về thuế.

4. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm tái cơ cấu chi ngân sách, đảm bảo hợp lý giữa chi hoạt động và chi cho con người, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng chi ngân sách cho đầu tư phát triển. Điều hành chặt chẽ dự toán ngân sách nhà nước, thực hiện chi trong phạm vi dự toán được giao, giải ngân theo kế hoạch được phê duyệt. Hạn chế ứng trước ngân sách, chuyển nguồn. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng tiền, tài sản nhà nước, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, triệt để thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng. Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, khánh thành, học tập kinh nghiệm, mua sắm trang thiết bị có giá trị lớn khi chưa thật sự cần thiết. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện nghiêm kỷ cương tài chính - ngân sách Nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư công.

5. Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, nợ đọng trong xây dựng cơ bản. Tập trung vốn cho các công trình trọng tâm, trọng điểm, có sức lan tỏa lớn và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, tạo điều kiện thu hút đầu tư.

6. Thực hiện quản lý nợ công theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản vay của tỉnh ngay từ khâu phê duyệt chủ trương đầu tư; chỉ thực hiện vay sau khi đánh giá đầy đủ hiệu quả của dự án, sự tác động lên quy mô nợ chính quyền địa phương và khả năng trả nợ.

7. Tiếp tục sắp xếp tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện hạch toán như doanh nghiệp đối với các đơn vị có đủ điều kiện; cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện (*trừ trường học, bệnh viện*); giải thể đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động kém hiệu quả.

8. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, gắn với cải cách chế độ công vụ, công chức. Kiện toàn bộ máy hành chính tinh gọn, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp trong đầu tư và quản lý ngân sách.

9. Tiếp tục xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế - văn hóa, khoa học - kỹ thuật; Trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và Trung tâm nghiên cứu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tâm quốc gia, khu vực và quốc tế; Trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào

tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành; Trung tâm bảo tồn rừng cảnh quan và đa dạng sinh học; Trung tâm văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao và giải trí; xây dựng thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chí đô thị loại 2; huyện Đức Trọng thành thị xã, đạt tiêu chí đô thị loại 3; thị trấn Di Linh và Thạnh Mỹ đạt tiêu chí đô thị loại 4. Quy hoạch và xây dựng đô thị Liên Khương - Prenn và các đô thị khác thành chuỗi các đô thị vệ tinh cho thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc.

10. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án lớn. Khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển và huy động nguồn lực kinh tế tư nhân tham gia vào nền kinh tế.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (*báo cáo*),
- Ban Kinh tế Trung ương (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT₁.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phụ lục 01
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2016-2021

(kèm theo Báo cáo số 194-BC/TU, ngày 15/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | CHỈ TIÊU | NĂM 2016 | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 | NĂM 2020 | NĂM 2021 | Giai đoạn 2016- 2021 |
|-----------|------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|-------------------------------|
| | TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 7.279 | 6.445 | 7.223 | 8.675 | 9.423 | 10.620 | 49.666 |
| I | THU NỘI ĐỊA | 6.940 | 5.985 | 6.765 | 8.293 | 9.187 | 10.280 | 47.449 |
| 1 | Thu từ thuế phí | 3.357 | 3.903 | 4.439 | 5.234 | 5.527 | 6.340 | 28.799 |
| | Thu từ khu vực DNNN | 780 | 985 | 1.036 | 1.340 | 1.706 | 1.050 | 6.896 |
| | Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN | 117 | 83 | 94 | 103 | 111 | 115 | 623 |
| | Thu từ khu vực kinh tế NQD | 1.288 | 1.352 | 1.521 | 1.553 | 1.473 | 2.527 | 9.714 |
| | Thuế thu nhập cá nhân | 399 | 553 | 675 | 841 | 890 | 1.110 | 4.468 |
| | Thuế bảo vệ môi trường | 275 | 330 | 400 | 522 | 518 | 600 | 2.645 |
| | Các loại phí, lệ phí | 483 | 585 | 698 | 860 | 814 | 925 | 4.364 |
| | Thuế sử dụng đất NN | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| | Thuế sử dụng đất phi NN | 14 | 15 | 15 | 15 | 14 | 13 | 86 |
| 2 | Các khoản thu về nhà, đất | 590 | 942 | 989 | 1.511 | 1.817 | 2.120 | 7.970 |
| 3 | Thu khác ngân sách | 2.459 | 537 | 527 | 460 | 553 | 430 | 4.966 |
| 4 | Thu từ hoạt động xổ số | 534 | 603 | 810 | 1.088 | 1.291 | 1.390 | 5.715 |
| II | XUẤT NHẬP KHẨU | 340 | 460 | 459 | 382 | 236 | 340 | 2.216 |

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**Phụ lục 02****KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TRONG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 62-CTR/TU***(kèm theo Báo cáo số 194-BC/TU, ngày 15/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện | Đánh giá | Thuyết minh |
|-----|--|-----------|----------|---|
| 1 | - Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2021 bình quân khoảng 8,5 - 9% GRDP, | 15,8% | Đạt | Tổng thu 49.666 tỷ đồng/ GRDP 312.966 tỷ đồng (giá ss 2010) |
| 2 | Phần đầu tổng thu ngân sách tối thiểu bằng khoảng 1,65 lần giai đoạn 2010 - 2015. | 210% | Đạt | Tổng thu 2016-2021: 49.666 tỷ đồng |
| 3 | Tỷ lệ huy động thuế phí 6,5 - 7% GRDP | 9,2% | Đạt | Thu thuế phí 28.799 tỷ đồng/ GRDP 312.966 (giá ss 2010) |
| 4 | Đến năm 2021, tỷ lệ huy động thuế phí trên 7,5% GRDP và chiếm tỷ trọng 95% trên thu nội địa | 10,4% | Đạt | Thu thuế phí 6.340 tỷ đồng/ GRDP 60.839 (giá ss 2010) |
| | | 61,6% | Chưa đạt | Tổng thu 6.340 tỷ đồng/ thu nội địa 10.280 tỷ đồng |
| 5 | Trong tổng thu ngân sách nhà nước, tỉ trọng thu nội địa khoảng 90-95% | 95,53% | Đạt | Thu nội địa 47.449 tỷ đồng/Tổng thu 49.666 tỷ đồng |
| 6 | Thu ngân sách nhà nước bình quân năm tăng từ 10-12%; trong đó thu thuế, phí bình quân năm tăng từ 12-14%. | | Đạt | Tốc độ tăng thu bình quân 15,03%/năm |
| 7 | Tỉ lệ chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2021 bình quân khoảng 13-14% GRDP. | 19,7% | Đạt | Tổng chi 61.747 tỷ đồng/ GRDP 312.966 (giá ss 2010) |
| 8 | Trong tổng chi ngân sách nhà nước, tỉ trọng chi đầu tư phát triển từ 24 - 25%; tỉ trọng chi thường xuyên từ 75-76%; | 27% | Đạt | Tổng chi đầu tư 16.651 tỷ đồng/Tổng chi 61.747 tỷ đồng |
| 9 | Đến năm 2021 chi đầu tư phát triển đạt tỷ trọng tối thiểu 26% tổng chi | 31,48% | Đạt | Chi ĐTPT 3.722 tỷ đồng/Tổng chi 11.822 tỷ đồng |
| 10 | Sau năm 2020 quy mô chi ngân sách phù hợp với mục tiêu phát triển, khả năng cân đối nguồn lực, đảm bảo an toàn nợ công | | Đạt | Chi NS phù hợp với mục tiêu phát triển, khả năng cân đối nguồn lực, đảm bảo an toàn nợ công |
| 11 | Thực hiện vay nợ theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và sử dụng có hiệu quả cho đầu tư phát triển | | Đạt | Vay nợ theo đúng quy định, chỉ sử dụng chi đầu tư phát triển |
| 12 | Giảm tỷ trọng nhận trợ cấp ngân sách TW | | Đạt | Năm 2017, nhận trợ cấp 69% tổng chi; Năm 2020 tỷ lệ là 45,5% |

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện | Đánh giá | Thuyết minh |
|-----|---|-----------|----------------|---|
| 13 | Giảm hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện đạt mức từ 5-10% vào năm 2020 | | Chưa đạt | Trong giai đoạn ổn định ngân sách 2016-2021, tỷ lệ nhận trợ cấp bình quân của cấp huyện ổn định (55% tổng chi); năm 2022 tỷ lệ nhận trợ cấp của ngân sách huyện đã giảm so với đầu thời kỳ 2017 |
| 14 | Tăng dần số đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động | | Đạt | Từ năm 2018 mỗi năm đều có ít nhất 01 đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ từ đơn vị do ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên lên tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên. |
| 15 | Giảm dần tỷ lệ nhận trợ cấp của các đơn vị sự nghiệp | | Đạt | Năm 2019: giảm tỷ lệ 17,2%, năm 2020 giảm tỷ lệ 12,87%. |
| 16 | Cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện | | Không đánh giá | Hiện nay các đơn vị đang thực hiện các thủ tục cổ phần hóa 03 đơn vị sự nghiệp |